

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày 01-02-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 171/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với:

- Các bị cáo:

1/Bị cáo thứ nhất: Phạm Duy Đ, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh năm: 1994 tại: Tỉnh Lâm Đồng. Số CCCD: 068094000305, nơi cấp: Cục Cảnh Sát. Nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không, Trình độ học vấn: 07/12. Con ông Phạm Duy B và bà Nguyễn Thị T. Bị cáo có 04 anh em ruột, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Tiền sự: Không. Tiền án: 01:

+ Ngày 09/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 05 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Ngày 01/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt chung là 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2023 cho đến nay.

2/Bị cáo thứ hai: Lê Văn H, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh năm: 1980 tại: tỉnh Thanh Hoá. Số CCCD: 038080037727, cấp ngày 12/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh Sát. Nơi cư trú: Thôn Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê, Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Lê Văn Hý (đã chết) và bà Lê T. Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 người

con sinh năm: 2006. Bị cáo có 06 chị em ruột, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Tiền sự: Không. Tiền án: 02:

+ Ngày 26/8/2013, bị Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù giam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí.

+ Ngày 29/5/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 09/10/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hình phạt chung là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí vào ngày 02/11/2023 nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2023 cho đến nay.

- *Người bị hại:* anh Hà Vĩ K, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 07/9/2023, Lê Văn H điều khiển xe mô tô biển số: 66F1 – 414.44 mượn của L (không rõ nhân thân, lý lịch) chở theo Phạm Duy Đ đang lưu thông trên đoạn đường liên xã thuộc thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước thì xe bị hư hỏng nên vào tiệm sửa xe của anh Trần Công T thuộc thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước để sửa chữa nhưng thấy không có người. Quan sát bên trong, Định thấy xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 của anh Hà Vĩ K có gắn sẵn chìa khoá liền này sinh ý định lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài nên đi ra ngoài bàn bạc với H thì H đồng ý. Sau đó, Định quay trở vào trong tiệm dắt xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 ra ngoài khỏi động nổ máy, dùng chân đẩy phía sau xe mô tô biển số: 66F1 – 414.44 cho H điều khiển đi về hướng đập nước thuộc thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại đây, H cất giấu xe mô tô biển số: 66F1 – 414.44 vào trong khu vực đập nước rồi đi bộ ra đường Quốc lộ 14 đón xe khách về xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước còn Định điều khiển xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 đi về nhà trọ tại khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước cất giấu. Phát hiện bị mất tài sản, anh Khang đã làm đơn trình báo đến Công an xã T. Đến ngày 10/9/2023 và ngày 12/9/2023, Đ, H đã đến Cơ quan Công an đầu thú, giao nộp lại xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04.

-Tại Kết luận định giá tài sản số: 67/KLĐG ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Bù Đăng kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 có giá trị là 20.000.000 đồng.

-Tại bản cáo trạng số: 07/CTr – VKS ngày 27/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố: Bị cáo Phạm Duy Đ về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản

1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn H về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

-Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Duy Đ về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn H về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị:

+Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Lê Văn H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Duy Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù.**

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hà Vĩ K nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hà Vĩ K đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Về án phí buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Đối với L cho Định mượn xe mô tô biển số: 66F1 – 414.44 không xác định được nhân thân, lý lịch. Cơ quan điều tra không đề nghị, Viện kiểm sát không đề cập.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H và Phạm Duy Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 07/9/2023, Phạm Duy Đ, Lê Văn H lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 có giá trị 20.000.000 đồng của anh Hà Vĩ K thuộc thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 67/KLĐG ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Bù Đăng kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 có giá trị là 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo **Phạm Duy Đ** đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo **Lê Văn H** đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không lao động chân chính nên đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Duy Đ: Bị cáo Định là trực tiếp bàn bạc, rủ rê bị cáo H lén lút lấy trộm xe mô tô biển số: 93P2-42704 của anh Hà Vĩ K.

Bị cáo Định có một tiền án: Ngày 09/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 05 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 01/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hình phạt chung là 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Do đó, đối với lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn, có con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

[3.2] Đối với bị cáo Lê Văn H là người trực cùng bị cáo Định lén lút lấy trộm xe mô tô biển số: 93P2-42704 của anh Hà Vĩ K.

Bị cáo H có hai tiền án: + Ngày 26/8/2013, bị Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù giam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí.

+ Ngày 29/5/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 09/10/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hình phạt chung là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí vào ngày 02/11/2023 nên chưa được xóa án tích.

Do đó, đối với lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc xem xét vai trò phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa những lỗi lầm của mình và trở thành những người có ích cho xã hội.

[4] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hà Vĩ K nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hà Vĩ K đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] **Đối với L cho Định mượn xe mô tô biển số: 66F1 – 414.44 không xác định được nhân thân, lý lịch. Cơ quan điều tra không đề nghị, Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét.**

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp theo luật định.

[8] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Phạm Duy Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.**

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Lê Văn H 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2023. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Duy Đ 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2023. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.**

2. Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 427.04 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hà Vĩ K nên không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hà Vĩ K đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Phạm Duy Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà